

Số: /TTr-STC

Đồng Nai, ngày tháng 05 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh, sửa đổi bổ sung Quyết định 51/2016/QĐ-UBND
ngày 9/9/2016 của UBND tỉnh

Kính gửi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

I. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Căn cứ Nghị quyết 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định 51/2016/QĐ-UBND ngày 9/9/2016 của UBND tỉnh về quy định thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và biện pháp thực hiện Nghị quyết 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của HĐND tỉnh

II. Sự cần thiết:

Ngày 13/04/2015 Chính phủ ban hành Nghị định 35/2015/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất trồng lúa thay thế Nghị định 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012; và Bộ Tài chính ban Thông tư 18/2016 ngày 21/01/2016 hướng dẫn thực hiện Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ thay thế Thông tư 205/2012/TT-BTC ngày 23/11/2012 của Bộ Tài chính, trong đó quy định UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp có nghị quyết về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa tại địa phương.

Theo đó, ngày 14/07/2016 Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Nghị Quyết số 51/2016/NQ-HĐND về quy định mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh, đồng thời UBND tỉnh ban hành Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 9/9/2016 về quy định thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và biện pháp thực hiện Nghị quyết 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của HĐND tỉnh.

Tuy nhiên ngày 28/01/2019 Thanh tra tỉnh có kết luận số 14/Kl-TT về việc chấp hành các quy định pháp luật về giao đất, cho thuê đất và thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các dự án trên địa bàn các huyện Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch, trong đó có nội dung kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quyết định 51/2016/QĐ-UBND cho phù hợp và đã được UBND tỉnh chấp thuận chỉ đạo tại công văn 2565/UBND-CNN ngày 11/3/2019.

Từ các cơ sở nêu trên, việc việc điều chỉnh, sửa đổi bổ sung Quyết định 51/2016/QĐ-UBND ngày 9/9/2016 của UBND tỉnh là hết sức cần thiết.

III. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:

1. Sửa đổi và bổ sung mục 4 Điều 1 quyết định 51/2016/QĐ-UBND:

Thời hạn nộp tiền:

1.1. Người sử dụng đất có trách nhiệm nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nước theo thời hạn như sau:

- Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký Thông báo của cơ quan tài chính, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo Thông báo;

- Trong vòng sáu mươi (60) ngày tiếp theo, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa còn lại theo Thông báo.

Quá thời hạn nêu trên, người sử dụng đất chưa nộp đủ khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nước theo Thông báo thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo mức quy định của pháp luật về quản lý thuế.

1.2. Khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa được nộp vào Ngân sách tỉnh Đồng Nai và hạch toán vào tài khoản 7111 Chương 560 Tiểu mục 4914

2. Sửa đổi và bổ sung điều 2 Quyết định 51/2016/QĐ-UBND:

Trách nhiệm của các Sở, ngành, UBND các huyện thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa:

2.1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

2.1.1. Căn cứ bản kê khai của cơ quan, tổ chức trong nước; tổ chức nước ngoài sử dụng đất để xác định và tổ chức thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách tỉnh theo quy định;

2.1.2. Hàng năm phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan, căn cứ vào kế hoạch chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn thành phố, dự kiến khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách tỉnh, báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh trình Hội đồng Nhân

dân cùng cấp quyết định;

2.1.3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo, đề xuất gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hỗ trợ kinh phí cho địa phương sản xuất lúa (nếu có) theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

2.2.1 Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ghi rõ diện tích đất chuyên trồng lúa nước mà cơ quan, tổ chức chuyển thành đất phi nông nghiệp và nêu rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong nước; tổ chức nước ngoài lập bản kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước trong Quyết định giao đất, cho thuê đất đối với các trường hợp thuộc diện phải nộp và bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo điều 134 Luật đất đai năm 2013 gửi về Sở Tài chính để xác định và thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nước theo quy định.

2.2.2. Hướng dẫn Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa xác định vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước.

2.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

2.3.1. Căn cứ phương án cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại cho cả thời kỳ và từng năm do Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa lập để tổng hợp, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt;

2.3.2. Tổng hợp dự toán kinh phí kiến nghị Trung ương hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa (nếu có), gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo, đề xuất gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

2.4. Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa có trách nhiệm:

2.4.1. Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa trong từng thời kỳ được cấp có thẩm quyền phê duyệt của địa phương, chất lượng đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn và điều kiện thực tế của địa phương để lập phương án cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại cho cả thời kỳ và từng năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt;

2.4.2. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban Nhân dân cấp huyện ghi rõ diện tích đất chuyên trồng lúa nước mà hộ gia đình, cá nhân chuyển thành đất phi nông nghiệp và nêu rõ trách nhiệm của hộ gia đình, cá

nhân lập bản kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước trong Quyết định giao đất, cho thuê đất gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch để xác định và thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nước theo quy định.

2.4.3. Chỉ đạo Phòng Tài chính kế hoạch căn cứ bản kê khai của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất để xác định và tổ chức thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách tỉnh theo quy định.

2.5. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (gọi tắt là người sử dụng đất) có trách nhiệm:

2.5.1. Đối với các cơ quan, tổ chức trong nước; tổ chức nước ngoài:

Căn cứ Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập bản kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao, cho thuê gửi về Sở Tài chính để xác định và thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nước theo quy định.

2.5.2. Đối với hộ gia đình, cá nhân trong nước; cá nhân nước ngoài:

Căn cứ Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập bản kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao, cho thuê gửi về Phòng Tài chính kế hoạch các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa để xác định và thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nước theo quy định.

IV. Còn lại các nội dung khác giữ nguyên như Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 9/9/2016 về quy định thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của UBND tỉnh

Trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Cục Thuế;
 - Sở Nông nghiệp và PTNN;
 - Sở Tài nguyên Môi trường;
 - Ban giám đốc;
 - Lưu VT, NSNN (02 bản)
- @-Giang/E/nam 2019/TTr BS QĐ 51/2016/QĐ-UBND